

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-PT
Ngày: 27 - 5 -2020
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại về sức khỏe

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 - 5 -2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về sức khỏe”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2020/QĐ-PT ngày 27- 4-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **ND**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **BD (Út)**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K. Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố x, tỉnh H

- *Người kháng cáo:* Ông BD là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông ND trình bày:*

Trước đây vào ngày 25/6/2018 ông BD có gây thương tích cho ông và đến ngày 18/3/2019 Tòa án nhân dân thị xã N đã giải quyết vụ án bằng bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST và trách nhiệm dân sự buộc ông BD bồi thường thêm cho ông số tiền 50.000.000 đồng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Sau khi tòa án

xét xử xong thì ông tiếp tục đi điều trị vết thương lần thứ 3. Các chi phí điều trị vết thương lần 3 của ông phát sinh cụ thể như sau:

Tiền phẫu thuật là 6.525.000 đồng; tiền thuốc phẫu thuật 5.600.000 đồng, cấp INOX 6.500.000 đồng, tiền xe đi mô 2 người lượt đi lượt về 02 x 200.000 đồng/vé x 02 = 800.000 đồng, tiền xe đi tái khám 2 người lượt đi lượt về 02 x 200.000 đồng/vé x 02 = 800.000 đồng, tiền thuốc uống 8.550.000 đồng. Tổng số tiền là 28.775.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu ông BĐ trả số tiền theo các hóa đơn tại Bệnh viện Quận 1 – Khoa ngoại tổng hợp, hóa đơn bản lẻ tiền thuốc và tiền vé xe theo Tòa án xác minh ông cung cấp cho Tòa án tổng số tiền là 26.280.000 đồng.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông BĐ trình bày:* Ông không thống nhất theo yêu cầu của ông NĐ vì vụ án hình sự trước đó ông đã thỏa thuận với NĐ rồi, ông cũng đã thống nhất bồi thường cho NĐ thêm số tiền 50.000.000 đồng coi như đã kết thúc vụ án còn chi phí phát sinh sau này thì NĐ tự chịu trách nhiệm nên ông không đồng ý theo yêu cầu của NĐ, sau này ông chấp hành án xong thì chỉ đồng ý trả cho NĐ thêm số tiền là 7.500.000 đồng đối với vụ án trước đó vì hiện tại hoàn cảnh gia đình quá khó khăn không có khả năng bồi thường thêm nữa.

** Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.*

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06-2-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ về việc yêu cầu ông BĐ trả lại số tiền bồi thường thiệt hại điều trị phẫu thuật.

Buộc ông BĐ trả cho ông NĐ tổng số tiền 26.280.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày NĐ yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông BĐ còn phải trả lãi cho NĐ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 13-2-2020, bị đơn ông BÐ nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06-2-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo đơn kháng cáo, ông BÐ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NÐ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn ông BÐ là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 13-2-2020 của bị đơn BÐ nộp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 13-2-2020 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Đơn kháng cáo của ông BÐ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông NÐ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông BÐ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm các khoản với tổng số tiền là 26.280.000 đồng, phía bị đơn BÐ không đồng ý bồi thường do tại vụ án hình sự trước đó các bên đã thỏa thuận thống nhất bồi thường cho NÐ 85.000.000 đồng, ông đã khắc phục hậu quả trước là 35.000.000 đồng còn lại 50.000.000 đồng coi như kết thúc vụ án. Đối với chi phí phát sinh sau, ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét thấy, tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18-3-2019 của Tòa án nhân dân thị xã N đối với phần trách nhiệm dân sự thì bị hại NÐ có quyền khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị cáo BÐ bồi thường chi phí điều trị do bị cáo BÐ gây ra sau khi xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử bản án hình sự BÐ không kháng cáo phần trách nhiệm dân sự cũng như hình sự. Do đó, NÐ khởi kiện yêu cầu BÐ bồi thường thêm phần điều trị, lấy Inox sau khi xét xử bản án hình sự là có cơ sở. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn BÐ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn NÐ với các khoản chi phí hợp lý như các hóa đơn điều trị tại bệnh viện Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh, hóa đơn bán lẻ thuốc và chi phí vé xe tổng cộng là

26.280.000 đồng là phù hợp có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn BĐ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NĐ là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn BĐ và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông BĐ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, BĐ thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông BĐ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 06-2-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ về việc yêu cầu ông BĐ trả lại số tiền bồi thường thiệt hại điều trị phẫu thuật.

Buộc ông BĐ trả cho ông NĐ tổng số tiền 26.280.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày NĐ yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông BĐ còn phải trả lãi cho NĐ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn là hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông BĐ không phải chịu.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND Tx.N;
- Chi cục THADS Tx.N;
- VKSND Tx.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Văn Dũ